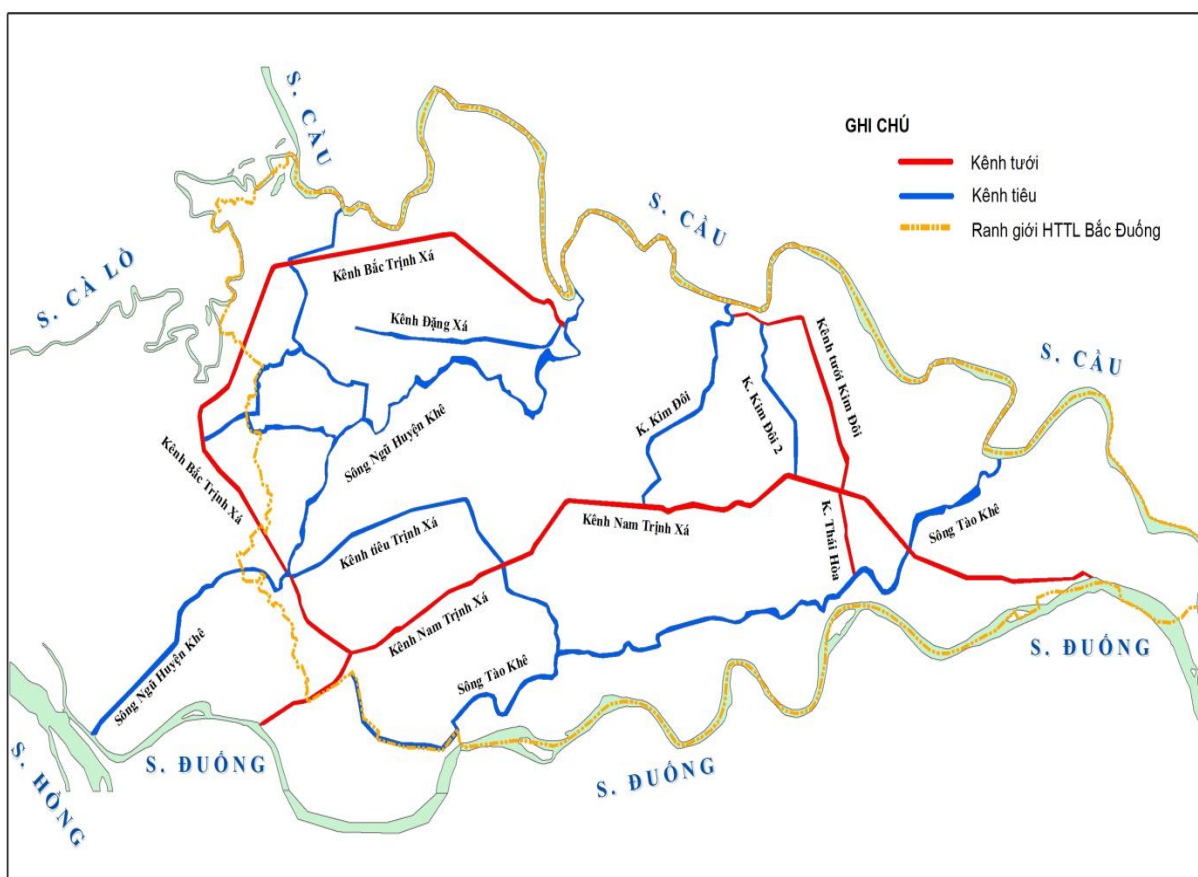


VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình
thủy lợi Bắc Đuống phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2019

BẢN TIN TUẦN KỲ 12

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NGÀY 9/4/2019 (ĐỢT 5) VÀ
DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 19 - 25/4/2019**



Ranh giới hệ thống Bắc Đuống

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2019

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Đuống phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2019

BẢN TIN TUẦN KỲ 12

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NGÀY 9/4/2019 (ĐỢT 5) VÀ
DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 19 - 25/4/2019**

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ CƠ QUAN THỰC HIỆN
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Đuống phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp được Tổng cục Thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và PTNT giao Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường thực hiện năm 2019. Trong các tháng từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2019 và tháng 7 năm 2019, mỗi tháng có 2 kỳ lấy mẫu và dự báo 7 ngày tiếp theo. Bản tin tuần các kỳ được đưa lên websites của Tổng cục Thủy lợi tại đại chỉ www.httl.com.vn và gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin tuần kỳ 12 là kết quả quan trắc chất lượng nước ngày 9/4/2019 (đợt 5) và dự báo các chỉ tiêu DO, BOD₅ và NH₄⁺ từ ngày 19- 25/4/2019.

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2019

BẢN TIN TUẦN KỲ 12

KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NGÀY 9/4/2019 (ĐỢT 5) VÀ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 19 - 25/4/2019

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Đuống, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
2. Ngày lấy mẫu: 9/4/2019
3. Ngày dự báo: 18/4/2019
4. Ngày cung cấp thông tin: 18/4/2019
5. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường
6. Người cung cấp thông tin: ThS Vũ Quốc Chính
7. Đơn vị nhận thông tin: Các đơn vị quản lý sử dụng nước trong hệ thống Bắc Đuống
8. Vị trí dự báo và lấy mẫu quan trắc: 16 vị trí (**bảng 1**)

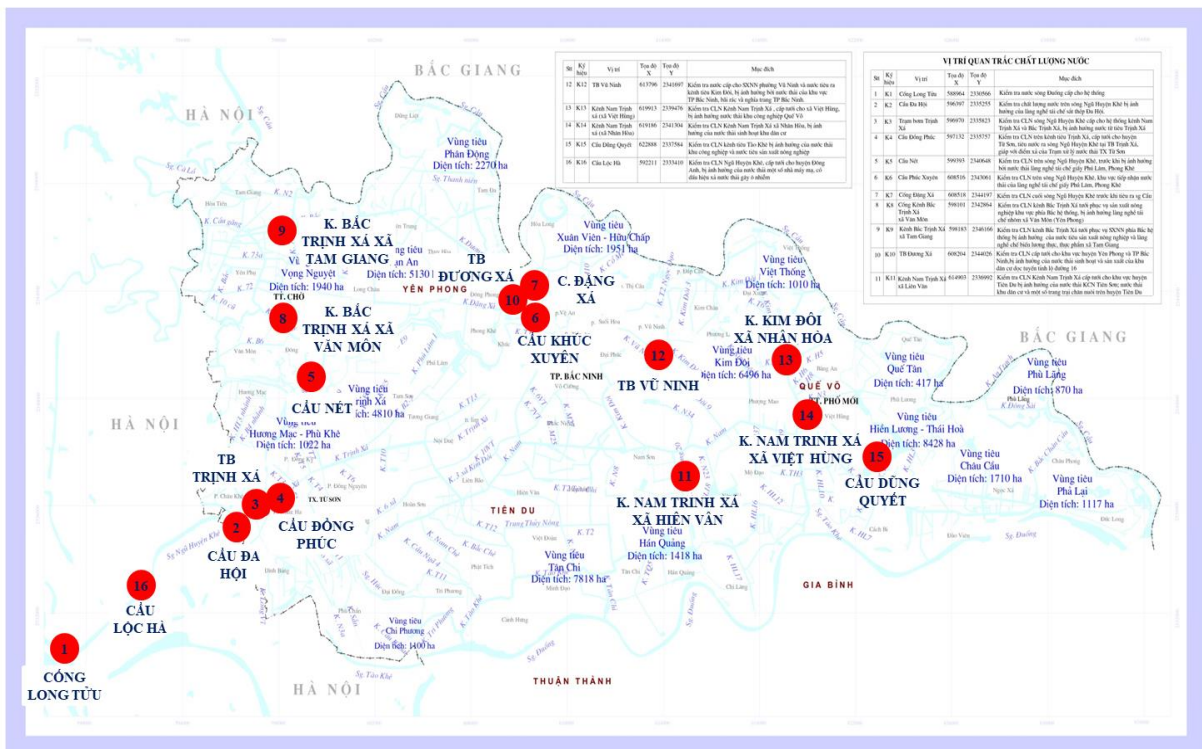
Bảng 1. Vị trí dự báo và giám sát chất lượng nước hệ thống Bắc Đuống năm 2019

TT	Vị trí lấy mẫu	KH mẫu	Địa điểm	Tọa độ	Mục đích
1	Cống Long Tầu	K1	Thôn Long Tầu, xã Đông Hội, Đông Anh, Hà nội	x= 588964 y= 2330566	Kiểm tra nước sông Đuống cấp cho hệ thống
2	Cầu Đa Hội	K2	Thôn Đa Hội, Phường Châu Khê, TX Từ Sơn, Bắc Ninh	x= 596397 y= 2335255	Kiểm tra CLN sông Ngũ Huyện Khê bị ảnh hưởng của sinh hoạt và nước thải làng nghề tái chế sắt thép Đa Hội.
3	TB Trịnh Xá	K3	Thôn Trịnh Nguyễn, Phường Châu Khê, TX Từ Sơn, Bắc Ninh	x= 596970 y= 2335823	Kiểm tra CLN sông Ngũ Huyện Khê cấp cho hệ thống kênh Nam Trịnh Xá và Bắc Trịnh Xá, bị ảnh hưởng nước tiêu kênh tiêu Trịnh Xá
4	Cầu Đồng Phúc	K4	Thôn Đồng Phúc, Phường Châu Khê, TX Từ Sơn, Bắc Ninh	x= 597132 y= 2335757	Kiểm tra CLN trên kênh tiêu Trịnh Xá, cấp tưới cho huyện Từ Sơn, tiêu nước ra sông Ngũ Huyện Khê tại TB Trịnh Xá, giáp với điểm xả của Trạm xử lý nước thải TX Từ Sơn.
5	Cầu Nét	K5	Thôn Thọ Khê, xã Đông Thọ, Yên Phong, Bắc Ninh	x= 599393 y= 2340648	Kiểm tra CLN sông Ngũ Huyện Khê trước khi bị ảnh hưởng bởi nước thải làng nghề giấy Phú Lâm, Phong Khê.
6	Cầu Khúc	K6	Thôn Phúc Toại, Phường	x= 608516 y= 2343061	Kiểm tra CLN sông Ngũ Huyện Khê, bị ảnh hưởng trực tiếp nước

TT	Vị trí lấy mẫu	KH mẫu	Địa điểm	Tọa độ	Mục đích
	Xuyên		Khúc Xuyên, TP Bắc Ninh		thải của làng nghề tái chế giấy Phú Lâm, Phong Khê.
7	Cống Đặng Xá	K7	Phường Vạn An, TP Bắc Ninh	x= 608518 y= 2344197	Kiểm tra CLN sông Ngũ Huyện Khê trước khi tiêu ra sông Cầu.
8	K. Bắc Trịnh Xá xã Văn Môn	K8	Xã Văn Môn, Yên Phong, Bắc Ninh	x= 598101 y= 2342864	Kiểm tra CLN kênh Bắc Trịnh Xá, tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực phía Bắc hệ thống, bị ảnh hưởng bởi làng nghề tái chế nhôm Văn Môn
9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang	K9	Xã Tam Giang, Yên Phong, Bắc Ninh	x= 598183 y= 2346166	Kiểm tra CLN kênh Bắc Trịnh Xá, tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực phía Bắc hệ thống, bị ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp và làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm xã Tam Giang.
10	Trạm bơm Đương Xá	K10	Thôn Đương Xá, Phường Vạn An, TP Bắc Ninh	x= 608204 y= 2344026	Kiểm tra CLN kênh tiêu Đặng Xá, cấp tưới cho khu vực huyện Yên Phong và TP Bắc Ninh, bị ảnh hưởng của sản xuất và tiêu nước thải của khu dân cư dọc tuyến tỉnh lộ đường 16,
11	K. Nam Trịnh Xá xã Hiên Vân	K11	Xã Hiên Vân, Tiên Du, Bắc Ninh	x= 614903 y= 2336992	Kiểm tra CLN kênh Nam Trịnh Xá cấp tưới cho huyện Tiên Du, bị ảnh hưởng của nước thải KCN Tiên Sơn nước thải khu dân cư và một số trang trại chăn nuôi trên địa bàn huyện Tiên Du.
12	Trạm bơm Vũ Ninh	K12	Phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh	x= 613796 y= 2341697	Kiểm tra nước cấp cho SXNN phường Vũ Ninh và nước tiêu ra kênh tiêu Kim Đôi, bị ảnh hưởng bởi nước thải của khu vực TP Bắc Ninh, bãi rác và nghĩa trang TP Bắc Ninh.
13	K. Nam Trịnh Xá xã Việt Hùng	K13	Xã Việt Hùng, Quế Võ, Bắc Ninh	x= 619913 y= 2339476	Kiểm tra CLN kênh Nam Trịnh Xá, cấp tưới cho xã Việt Hùng, bị ảnh hưởng của nước thải KCN Quế Võ.
14	Kênh Kim Đôi xã Nhân Hòa	K14	Thôn Trại Đường, xã Nhân Hòa, Quế Võ, Bắc Ninh	x= 619186 y= 2341304	Kiểm tra CLN kênh Kim Đôi, cấp tưới cho xã Nhân Hòa, bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu dân cư
15	Cầu Dũng	K15	Thôn Guột, xã Việt Hùng, Quế	x= 622888 y= 2337584	Kiểm tra CLN kênh tiêu Tào Khê, bị ảnh hưởng của nước thải khu

TT	Vị trí lấy mẫu	KH mẫu	Địa điểm	Tọa độ	Mục đích
	Quyết		võ, Bắc Ninh		công nghiệp và nước tiêu sản xuất nông nghiệp.
16	Cầu Lọc Hà	K16	Thôn Lọc Hà, xã Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	x= 592211 y= 2333410	Kiểm tra CLN Ngũ Huyện Khê, cấp tưới cho huyện Đông Anh, bị ảnh hưởng của nước thải một số nhà máy mạ, có dấu hiệu xả nước thải gây ô nhiễm.

9. Sơ đồ vị trí các trạm quan trắc và dự báo:



Hình 1. Sơ đồ vị trí các trạm quan trắc và dự báo chất lượng nước năm 2019

I. KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC NGÀY 9/4/2019 (ĐỢT 5)

1.1. Mô tả thực địa và điều kiện lấy mẫu

Bảng 2. Mô tả thực địa tại các vị trí lấy mẫu ngày 9/4/2019 (ĐỢT 5)

TT	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Điều kiện thời tiết	Mô tả thực địa
1	K1	Công Long Từ	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 26°C. Gió Đông, tốc độ gió 3,06 m/s.	- Công đóng không kín, nước từ hệ thống chảy ra ngoài sông Đuống, dòng chảy yếu, mực nước TL = 125 cm; HL = 510 cm; - Nước có màu xanh lục, không mùi,

TT	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Điều kiện thời tiết	Mô tả thực địa
				không rác thải.
2	K2	Cầu Đa Hội	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 27°C. Gió Đông, tốc độ gió 2,50m/s.	- Nước tĩnh, không có dòng chảy; - Nước có xanh lục, mùi hôi nhẹ. Nhiều bèo tây và rác thải trên sông và 2 bên mố cầu.
3	K3	Trạm bơm Trịnh Xá	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 27°C. Gió Đông, tốc độ gió 2,50m/s.	- TB Trịnh Xá không hoạt động. Nước tĩnh, không có dòng chảy. Mực nước tại trạm 360 cm; - Nước có màu xanh lục, hơi hôi. Nhiều rác thải và bèo tây trước cửa ngăn rác trên sông Ngũ Huyện Khê vào trạm bơm.
4	K4	Cầu Đồng Phúc	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 27°C. Gió Đông, tốc độ gió 2,50m/s.	- Cổng tiêu ra khu vực trạm bơm Trịnh Xá mở, nước từ phía TB chảy vào kênh tiêu, dòng chảy yếu. Mực nước TL= 350 cm; HL= 360cm - Nước màu xanh lục, có mùi hơi hôi. Nhiều rác thải và có váng dầu nổi trên sông.
5	K5	Cầu Nét	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 27°C. Gió Đông, tốc độ gió 2,50m/s.	- Nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước có màu xanh lục, không có mùi lạ, Không có rác thải.
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	Trời nắng, nhiệt độ không khí 29°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,06 m/s.	- Nước tĩnh, không có dòng chảy, mực nước 282 cm. - Nước màu đen kịt, mùi hôi thối nồng nặc, nhiều rác thải
7	K7	Cổng Đặng Xá.	Trời nắng, nhiệt độ không khí 29°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,06 m/s.	- Cổng đóng kín, nước tĩnh không có dòng chảy. Mực nước TL= 280 cm, HL= 100cm - Nước có màu đen đặc, mùi hôi thối nồng nặc, nhiều rác thải.
8	K8	K. Bắc Trịnh Xá xã Văn Môn.	Trời nắng, nhiệt độ không khí 27°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,89 m/s.	- Nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu xanh lục, mùi hơi hôi. Trên sông chẵn thả nhiều vịt. Nhiều rác thải và có váng nổi trên mặt
9	K9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang.	Trời nắng, nhiệt độ không khí 27°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,89 m/s.	- Nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước màu xanh lục đậm, không có mùi lạ. Không có rác thải.
10	K10	Trạm	Trời nắng, nhiệt độ không	- Đắp chặn dòng 2 đầu thi công TB.

<i>TT</i>	<i>Ký hiệu</i>	<i>Vị trí lấy mẫu</i>	<i>Điều kiện thời tiết</i>	<i>Mô tả thực địa</i>
		bơm Đương Xá	khí 29°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,06 m/s.	Mẫu nước lấy phía thượng lưu điểm chặn dòng. Nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước màu đen đục, mùi hôi thối. Nhiều rác thải trôi nổi trên kênh.
11	K11	K. Nam Trịnh Xá xã Hiên Vân.	Trời nắng, nhiệt độ không khí 33°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,89 m/s.	- Cổng xả KCN Tiên Sơn mở. Nước trên kênh Nam Trịnh Xá tĩnh, không có dòng chảy. - Nước kênh màu xanh lục, mùi hơi hôi, nhiều rác thải và có váng nổi.
12	K12	Trạm bơm Vũ Ninh.	Trời nắng, nhiệt độ không khí 33°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,89 m/s.	- Nước cạn, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mực nước 135cm. - Nước có màu đen đục, mùi hôi nhẹ. Nhiều rác thải.
13	K13	K. Nam Trịnh Xá xã Việt Hùng	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 30°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,89 m/s.	- Nước kênh cạn, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước có màu nâu đục, không có mùi lạ, nhiều rác thải.
14	K14	K. Kim Đồi xã Nhân Hòa.	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 30°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,89 m/s.	- Nước kênh cạn, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước có màu xám đen, mùi hơi hôi. Nhiều rác thải và có cá ngợ nổi đầu.
15	K15	Cầu Dũng Quyết	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 30°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,89 m/s.	- Nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước có màu xanh lục, không có mùi lạ, nhiều bèo tây và rác thải.
16	K16	Cầu Lộc Hà	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 26°C. Gió Đông, tốc độ gió 3,06 m/s.	- Nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước có màu xanh đen, mùi hôi nhẹ. Nhiều rác thải nổi trên sông

1.2. Kết quả phân tích chất lượng nước và tính chỉ số WQI ngày 9/4/2019 (ĐỢT 5)

Bảng 3. Kết quả phân tích CLN trong hệ thống Bắc Đuống và tính chỉ số WQI ngày 9/4/2019 (ĐỢT 5)

TT	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	T (°C)	pH (-)	DO (mg/l)	Độ đục	TSS (mg/l)	COD (mg/l)	BOD ₅ (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	PO ₄ ³⁻ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	Coliform (MPN/100ml)	Fe (mg/l)	Pb (ppm)	Cr (mg/l)	WQI
1	K1	Cổng Long Tửu	25,7	6,81	4,20	16,12	32,65	53,8	21,5	3,92	0,12	0,64	11.000	0,02	0,45	0,031	15
2	K2	Cầu Đa Hội	25,8	7,26	2,00	23,32	32,90	49,9	19,7	4,70	0,04	0,52	21.000	<0,01	1,62	0,139	14
3	K3	TB Trịnh Xá	26,2	7,29	2,30	10,23	21,54	42,2	17,8	4,82	0,10	0,48	24.000	0,04	0,54	0,055	16
4	K4	Cầu Đồng Phúc	26,2	7,28	2,40	13,33	29,16	38,4	15,1	4,76	0,16	0,56	49.000	0,04	1,58	0,047	15
5	K5	Cầu Nét	27,1	7,28	3,60	31,36	44,20	49,9	19,7	3,64	0,32	0,66	14.000	0,06	0,67	0,049	12
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	28,9	7,28	0,90	81,43	108,04	241,9	85,2	2,80	0,32	<0,01	1.600.000	0,50	1,42	0,038	5
7	K7	Cổng Đặng Xá	29,6	7,15	1,20	66,18	70,23	380,2	135,6	3,42	0,42	<0,01	310.000	0,12	1,12	0,042	7
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	28,4	7,57	4,20	23,01	41,26	23,8	8,8	4,87	0,60	0,22	9.300	0,10	0,35	0,031	27
9	K9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang	28,1	7,42	5,30	33,61	38,26	61,4	25,2	7,56	1,04	0,68	14.000	0,16	0,43	0,067	11
10	K10	TB Dương Xá	28,4	7,37	1,80	35,60	39,50	134,4	43,8	4,03	0,46	0,02	490.000	0,08	1,78	0,041	9
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	28,8	7,54	3,90	18,66	29,58	53,8	21,5	9,80	0,94	0,34	28.000	0,04	1,18	0,083	13
12	K12	TB Vũ Ninh	30,4	7,39	3,80	46,13	58,91	115,2	37,6	7,56	1,78	0,04	69.000	0,70	1,58	0,041	9
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	30,6	7,98	6,60	108,33	110,41	76,8	26,1	5,60	0,58	0,30	13.000	0,84	0,49	0,054	3
14	K14	K. Kim Đôi xã Nhân Hòa	29,3	7,80	2,90	14,68	25,85	57,6	23,2	11,48	1,36	0,36	24.000	0,06	1,12	0,039	12
15	K15	Cầu Dững Quyết	28,4	7,86	3,30	21,33	25,41	46,1	17,3	4,76	0,20	0,20	4.900	0,02	0,92	0,052	62
16	K16	Cầu Lộc Hà	27,1	7,50	4,00	13,26	14,08	26,9	10,6	2,97	0,28	0,28	6.300	<0,01	2,67	0,143	65
QCVN08:2015/BTNMT B1			-	5,5-9,0	≥4	-	50	30	15	0,9	0,3	0,05	7.500	1,5	50	0,5	-

Ghi chú: Chỉ tiêu Nhiệt độ, pH, DO và Độ đục đo tại hiện trường

1.3. Đánh giá chất lượng nước theo chỉ số WQI ngày 9/4/2019 (Đợt 5)

Bảng 4. Kết quả đánh giá CLN theo chỉ số WQI ngày 9/4/2019 (Đợt 5)

T	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	WQI	Đánh giá	Màu thể hiện	Xếp loại
1	K1	Cổng Long Tửu	15	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
2	K2	Cầu Đa Hội	14	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
3	K3	TB Trịnh Xá	16	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
4	K4	Cầu Đồng Phúc	15	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
5	K5	Cầu Nét	12	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	5	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
7	K7	Cổng Đặng Xá	7	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	27	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	Da cam	D
9	K9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang	11	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
10	K10	TB Đương Xá	9	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	13	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
12	K12	TB Vũ Ninh	9	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	3	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
14	K14	K. Kim Đồi xã Nhân Hòa	12	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
15	K15	Cầu Dũng Quyết	62	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	Vàng	C
16	K16	Cầu Lộ Hà	65	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	Vàng	C

Ghi chú: Đánh giá theo số tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước ban hành theo quyết định 879/QĐ-TCMT, ngày 01/7/2011 của Tổng cục Môi trường. Trong đó:

- A- Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- B- Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp;
- C- Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác;
- D- Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác;
- E- Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai

1.4. Đánh giá CLN theo các chỉ tiêu hóa lý và vi sinh ngày 9/4/2019 (ĐỢT 5)

1.4.1. Đánh giá chất lượng nước theo từng điểm quan trắc ngày 9/4/2019 (Đợt 5)

Bảng 5. Kết quả đánh giá CLN theo từng điểm quan trắc ngày 9/4/2019 (Đợt 5)

TT	KH mẫu	Hệ thống/trạm đo	Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
1	K1	Công Long Tầu	5 chỉ tiêu: + BOD ₅ : 1,43 lần; + COD: 1,79 lần; + NH ₄ ⁺ : 4,36 lần; + NO ₂ ⁻ : 12,80 lần; + Coliform: 1,47 lần.	- Các chất BOD ₅ , COD, NH ₄ ⁺ và Coliform bị ÔN ở mức độ nhẹ; NO ₂ ⁻ ô nhiễm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN. - Không lấy nước vào hệ thống qua Long Tầu.
2	K2	Cầu Đa Hội	6 chỉ tiêu: + DO dưới 2,00 lần; + BOD ₅ : 1,31 lần; + COD: 1,66 lần; + NH ₄ ⁺ : 5,22 lần; + NO ₂ ⁻ : 10,40 lần; + Coliform: 2,80 lần.	- DO thấp dưới yêu cầu TCCP, có thể ảnh hưởng đến NTTS; Các chất BOD ₅ , COD và Coliform bị ÔN ở mức độ nhẹ; NH ₄ ⁺ ô nhiễm ở mức độ nghiêm trọng; NO ₂ ⁻ ô nhiễm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN và giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
3	K3	TB Trịnh Xá	6 chỉ tiêu: + DO dưới 1,74 lần; + BOD ₅ : 1,19 lần; + COD: 1,41 lần; + NH ₄ ⁺ : 5,36 lần; + NO ₂ ⁻ : 9,60 lần; + Coliform: 3,20 lần.	- DO thấp dưới yêu cầu TCCP, có thể ảnh hưởng đến NTTS; Các chất BOD ₅ , COD, và Coliform bị ÔN ở mức độ nhẹ; NH ₄ ⁺ và NO ₂ ⁻ ô nhiễm ở mức độ nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN và giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
4	K4	Cầu Đồng Phúc	6 chỉ tiêu: + DO dưới 1,67 lần; + BOD ₅ : 1,01 lần; + COD: 1,28 lần; + NH ₄ ⁺ : 5,29 lần; + NO ₂ ⁻ : 11,20 lần; + Coliform: 6,53 lần	- DO thấp dưới yêu cầu TCCP, có thể ảnh hưởng đến NTTS; Các chất BOD ₅ , COD, bị ÔN ở mức độ nhẹ; NH ₄ ⁺ và Coliform ô nhiễm ở mức độ nghiêm trọng; NO ₂ ⁻ ô nhiễm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN và giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới. - Không mở cống tiêu sông Ngũ Huyện Khê trong thời gian lấy nước
5	K5	Cầu Nét	7 chỉ tiêu: + DO dưới 1,11 lần; + BOD ₅ : 1,31 lần; + COD: 1,66 lần; + NH ₄ ⁺ : 4,04 lần; + PO ₄ ³⁻ : 1,07 lần; + NO ₂ ⁻ : 13,20 lần;	- DO thấp dưới yêu cầu TCCP, có thể ảnh hưởng đến NTTS; Các chất BOD ₅ , COD, NH ₄ ⁺ , PO ₄ ³⁻ và Coliform, bị ÔN ở mức độ nhẹ; NO ₂ ⁻ ô nhiễm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN. - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS.

TT	KH mẫu	Hệ thống/ trạm đo	Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
			+ Coliform: 1,87 lần	- Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN và giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	7 chỉ tiêu: + TSS: 2,16 lần; + DO dưới 4,44 lần; + BOD ₅ : 5,68 lần; + COD: 8,06 lần; + NH ₄ ⁺ : 3,11 lần; + PO ₄ ³⁻ : 1,07 lần; + Coliform: 213,3 lần	- DO quá thấp cá và các động vật thủy sinh không thể sống được; cây trồng có thể ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển; Các chất TSS, NH ₄ ⁺ và PO ₄ ³⁻ bị ÔN ở mức độ nhẹ; BOD ₅ và COD ô nhiễm ở mức nghiêm trọng; Coliform ô nhiễm ở mức đặc biệt nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN. - Không lấy nước tưới cho SXNN. - Cần cô lập khu vực để tránh ô nhiễm sang các khu vực khác. Gạn tháo, thay nước trong điều kiện cho phép.
7	K7	Cống Đặng Xá	7 chỉ tiêu: + TSS: 1,40 lần; + DO dưới 3,33 lần; + BOD ₅ : 9,04 lần; + COD: 12,67 lần; + NH ₄ ⁺ : 3,80 lần; + PO ₄ ³⁻ : 1,40 lần; + Coliform: 41,33 lần.	- DO quá thấp cá và các động vật thủy sinh không thể sống được; cây trồng có thể ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển; Các chất TSS, NH ₄ ⁺ và PO ₄ ³⁻ bị ÔN ở mức độ nhẹ; BOD ₅ ô nhiễm ở mức nghiêm trọng; COD và Coliform ô nhiễm ở mức đặc biệt nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN. - Không lấy nước tưới cho SXNN. - Không mở cống tiêu Đặng Xá ra sông Cầu, trong thời gian khu vực dưới hạ lưu sông Cầu lấy nước; Gạn tháo, thay nước trong điều kiện cho phép.
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	4 chỉ tiêu: + NH ₄ ⁺ : 5,41 lần; + PO ₄ ³⁻ : 2,00 lần; + NO ₂ ⁻ : 4,40 lần; + Coliform: 1,24 lần.	- Các chất PO ₄ ³⁻ , NO ₂ ⁻ và Coliform bị ÔN ở mức độ nhẹ; NH ₄ ⁺ ô nhiễm ở mức nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN. - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
9	K9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang	6 chỉ tiêu: + BOD ₅ : 1,68 lần; + COD: 2,05 lần; + NH ₄ ⁺ : 8,40 lần; + PO ₄ ³⁻ : 3,47 lần; + NO ₂ ⁻ : 13,60 lần; + Coliform: 1,87 lần.	- Các chất BOD ₅ , COD, PO ₄ ³⁻ và Coliform bị ÔN ở mức độ nhẹ; NH ₄ ⁺ ô nhiễm ở mức độ nghiêm trọng; NO ₂ ⁻ ô nhiễm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN. - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN và giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
10	K10	TB Đương Xá	6 chỉ tiêu: + DO dưới 2,22 lần; + BOD ₅ : 2,92 lần;	- DO quá thấp cá và các động vật thủy sinh không thể sống được; cây trồng có thể ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển; Các chất

TT	KH mẫu	Hệ thống/ trạm đo	Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
			+ COD: 4,48 lần; + NH ₄ ⁺ : 4,48 lần; + PO ₄ ³⁻ : 1,53 lần; + Coliform: 65,33 lần.	BOD ₅ , COD, NH ₄ ⁺ và PO ₄ ³⁻ bị ÔN ở mức độ nhẹ; Coliform ô nhiễm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN. - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN và giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	7 chỉ tiêu: + DO dưới 1,03 lần; + BOD ₅ : 1,43 lần; + COD: 1,79 lần; + NH ₄ ⁺ : 10,89 lần; + PO ₄ ³⁻ : 3,13 lần; + NO ₂ ⁻ : 6,80 lần; + Coliform: 3,73 lần.	- DO thấp dưới yêu cầu TCCP, cá và động vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngờ nổi đầu vào buổi sáng. Các chất BOD ₅ , COD, PO ₄ ³⁻ và Coliform bị ÔN ở mức độ nhẹ; NO ₂ ⁻ ô nhiễm ở mức nghiêm trọng; NH ₄ ⁺ ô nhiễm ở mức đặc biệt nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN. - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN và giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
12	K12	TB Vũ Ninh	7 chỉ tiêu: + TSS: 1,18 lần; + DO dưới 1,05 lần; + BOD ₅ : 2,51 lần; + COD: 3,84 lần; + NH ₄ ⁺ : 8,40 lần; + PO ₄ ³⁻ : 5,93 lần; + Coliform: 9,20 lần.	- DO thấp dưới yêu cầu TCCP, cá và động vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngờ nổi đầu vào buổi sáng. Các chất TSS, BOD ₅ , COD bị ÔN ở mức độ nhẹ; PO ₄ ³⁻ , NH ₄ ⁺ và Coliform ô nhiễm ở mức nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN. - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Hạn chế sử dụng cho SXNN; Giảm lượng đạm và lân bón khi sử dụng nước tưới.
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	7 chỉ tiêu: + TSS: 2,21 lần; + BOD ₅ : 1,74 lần; + COD: 2,56 lần; + NH ₄ ⁺ : 6,22 lần; + PO ₄ ³⁻ : 1,93 lần; + NO ₂ ⁻ : 6,00 lần; + Coliform: 1,73 lần.	- Các chất TSS, BOD ₅ , COD, PO ₄ ³⁻ và Coliform bị ÔN ở mức độ nhẹ; NO ₂ ⁻ và NH ₄ ⁺ ô nhiễm ở mức nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN. - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN và giảm lượng phân đạm bón khi sử dụng nước tưới.
14	K14	K. Kim Đồi xã Nhân Hòa	7 chỉ tiêu: + DO dưới 1,38 lần; + BOD ₅ : 1,55 lần; + COD: 1,92 lần; + NH ₄ ⁺ : 12,76 lần; + PO ₄ ³⁻ : 4,53 lần; + NO ₂ ⁻ : 7,20 lần; + Coliform: 3,20 lần.	- DO thấp dưới yêu cầu TCCP, cá và động vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngờ nổi đầu vào buổi sáng. Các chất BOD ₅ , COD, PO ₄ ³⁻ và Coliform bị ÔN ở mức độ nhẹ; NO ₂ ⁻ ô nhiễm ở mức nghiêm trọng; NH ₄ ⁺ ô nhiễm ở mức đặc biệt nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN. - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN và giảm lượng phân đạm bón khi sử dụng nước tưới.
15	K15	Cầu	5 chỉ tiêu:	- DO thấp dưới yêu cầu TCCP, cá và động

TT	KH mẫu	Hệ thống/ trạm đo	Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
		Dũng Quyết	+ DO dưới 1,21 lần; + BOD ₅ : 1,15 lần; + COD: 1,54 lần; + NH ₄ ⁺ : 5,29 lần; + NO ₂ ⁻ : 4,00 lần;	vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngổ nổi đầu vào buổi sáng. Các chất BOD ₅ , COD và NO ₂ ⁻ bị ÔN ở mức độ nhẹ; NH ₄ ⁺ ô nhiễm ở độ mức nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN. - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.
	K16	Cầu Lộc Hà	2 chỉ tiêu: + NH ₄ ⁺ : 3,30 lần; + NO ₂ ⁻ : 5,60 lần;	- NH ₄ ⁺ bị ÔN ở mức độ nhẹ; và NO ₂ ⁻ ô nhiễm ở mức độ nghiêm trọng. CLN không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Giảm lượng đạm bón khi sử dụng nước tưới.

Ghi chú: QCVN08-MT:2015/BTNMT cột B1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;

1.4.2. Đánh giá chất lượng nước theo các chỉ tiêu ô nhiễm ngày 9/4/2019 (Đợt 5)

a) Về phạm vi ô nhiễm

Bảng 6. Tỷ lệ số điểm quan trắc vượt QCVN 08-MT:2015 cột B₁ theo các chỉ tiêu hóa lý và vi sinh bị ô nhiễm ngày 9/4/2019 (Đợt 5)

TT	Chỉ tiêu ÔN	Số điểm ÔN	Tỷ lệ %	Vị trí ô nhiễm
1	TSS	4	25,00	K6, K7, K12, K13
2	DO	11	68,75	K2, K3, K4, K5, K6, K7, K10, K11, K12, K14, K15
3	BOD ₅	14	87,50	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K9, K10, K11, K12, K13, K14, K15
4	COD	14	87,50	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K9, K10, K11, K12, K13, K14, K15
5	N-NH ₄ ⁺	16	100	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11, K12, K13, K14, K15, K16
6	P-PO ₄ ³⁻	10	62,50	K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11, K12, K13, K14
7	NO ₂ ⁻	12	75,00	K1, K2, K3, K4, K5, K8, K9, K11, K13, K14, K15, K16
8	Coliform	14	87,50	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11, K12, K13, K14

b) Về mức độ ô nhiễm

Bảng 7. Mức độ ô nhiễm một số chỉ tiêu hóa lý và vi sinh ngày 9/4/2019 (Đợt 5)

TT	Chỉ tiêu ô nhiễm	Giá trị cao nhất	Vượt QCVN 08:2015 cột B ₁ (lần)	Vị trí có giá trị cao nhất
1	TSS (mg/l)	110,41	2,21	K13 (K. Nam TX xã Việt Hùng)
2	BOD ₅ (mg/l)	135,60	9,04	K7 (cổng Đặng Xá)
3	COD (mg/l)	380,20	12,67	K7 (cổng Đặng Xá)
4	NH ₄ ⁺ (mg/l)	11,48	12,76	K14 (K. Kim Đồi xã Nhân Hòa)
5	NO ₂ ⁻ (mg/l)	0,68	13,60	K9 (K. Bắc TX xã Tam Giang)
6	PO ₄ ³⁻ (mg/l)	1,78	5,93	K12 (TB Vũ Ninh)
7	Coliform (MPN/100ml)	1.600.000	213,33	K6 (cầu Khúc Xuyên)

1.5. Đánh giá CLN theo các chỉ tiêu kim loại nặng ngày 9/4/2019 (Đợt 5)

Bảng 8. Đánh giá chất lượng nước theo hàm lượng các kim loại nặng tại các điểm quan trắc ngày 9/4/2019 (Đợt 5)

TT	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	Hàm lượng KLN			Đánh giá
			Fe (ppb)	Pb (ppb)	Cr (mg/l)	
1	K1	Cổng Long Từ	0,02	0,45	0,031	Đạt TCCP
2	K2	Cầu Đa Hội	<0,01	1,62	0,139	Đạt TCCP
3	K3	TB Trịnh Xá	0,04	0,54	0,055	Đạt TCCP
4	K4	Cầu Đồng Phúc	0,04	1,58	0,047	Đạt TCCP
5	K5	Cầu Nét	0,06	0,67	0,049	Đạt TCCP
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	0,50	1,42	0,038	Đạt TCCP
7	K7	Cổng Đặng Xá	0,12	1,12	0,042	Đạt TCCP
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	0,10	0,35	0,031	Đạt TCCP
9	K9	K. Bắc TX xã Tam Giang	0,16	0,43	0,067	Đạt TCCP
10	K10	Trạm bơm Đương Xá	0,08	1,78	0,041	Đạt TCCP
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	0,04	1,18	0,083	Đạt TCCP
12	K12	Trạm bơm Vũ Ninh	0,70	1,58	0,041	Đạt TCCP
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	0,84	0,49	0,054	Đạt TCCP
14	K14	K. Kim Đồi xã Nhân Hòa	0,06	1,12	0,039	Đạt TCCP
15	K15	Cầu Dũng Quyết	0,02	0,92	0,052	Đạt TCCP
16	K16	Cầu Lộ Hà	<0,01	2,67	0,143	Đạt TCCP
QCVN 08-MT:2015 cột B1			1,5	50	0,5	-

II. KẾT QUẢ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 19 - 25/4/2019

2.1. Thông tin chung

a) Đặc điểm khí tượng, thủy văn và nguồn nước

Theo bản tin dự báo nguồn nước do Viện Qui hoạch Thủy lợi, dự báo tình hình khí tượng, thủy văn và nguồn nước trong kỳ dự báo từ 19 -25/4 như sau:

- Lượng mưa trên khu vực từ ngày 19/4 đến ngày 25/4, dự báo hầu như không có mưa. Lượng mưa lớn nhất đạt 0,8 mm/ngày (< 1 mm/ngày). Sự chênh lệch lượng mưa không lớn về không gian và thời gian. Trong cùng 1 ngày quan trắc, chênh lệch lượng mưa dao động từ 0,2 – 0,3 mm/ngày giữa các trạm quan trắc. Tại trên cùng 1 trạm quan trắc, chênh lệch mực nước không lớn, dao động từ 0,1 – 0,6 mm/ngày.

Chế độ mưa ngày tại các trạm đo (mm)

Trạm đo	19/4	20/4	21/4	22/4	23/4	24/4	25/4
Hà Nội	0	0	0,7	0,8	0,7	0,8	0,7
Bắc Ninh	0	0,2	0,8	0,3	0,4	0,5	0,6

- Mực nước dự báo trên các công trong thời gian từ ngày 19/4 đến ngày 25/4, do thời tiết không có mưa lớn, không có các đợt xả nước từ các hồ chứa trên thượng nguồn nên chênh lệch mực nước tại các trạm quan trắc không lớn, mực nước được duy trì ở mức ổn định, dao động từ 0,11 – 0,26 m. Chênh lệch mực nước lớn nhất tại công Long Tửu đạt 0,26 m, chênh lệch nhỏ nhất đạt 0,11 m tại trạm bơm Kim Đồi. Xét trong cùng 1 ngày chênh lệch mực nước giữa các trạm dao động từ 1,35 – 2,1 m. Chênh lệch lớn nhất đạt 2,1 m vào ngày 24/4, chênh lệch nhỏ nhất đạt 1,35 m vào ngày 21/4.

Mực nước trung bình ngày tại các công điều tiết (m)

Trạm đo	19/4	20/4	21/4	22/4	23/4	24/4	25/4
Công Long Tửu	1,52	1,49	1,43	1,42	1,32	1,30	1,26
TB Hiền Lương	1,33	1,91	1,12	1,91	1,79	1,73	1,72
Công Đặng Xá	2,70	2,68	2,26	2,71	2,77	2,91	2,88
TB Kim Đồi	0,95	0,97	0,91	0,90	0,85	0,81	0,84

b) Tóm tắt tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản

- Lúa xuân đang vào thời kỳ đứng cái chuẩn bị làm đòng.
- Các địa phương đã hoàn thành bón thúc cho lúa xuân đợt 2.

c) Tình hình vận hành công trình thủy lợi

Công Long Tửu đóng để giữ nước trong hệ thống; các TB chuẩn bị cho công tác tưới dưỡng.

2.2. Kết quả dự báo chất lượng nước từ ngày 19 - 25/4/2019

a) Dự báo chỉ tiêu DO

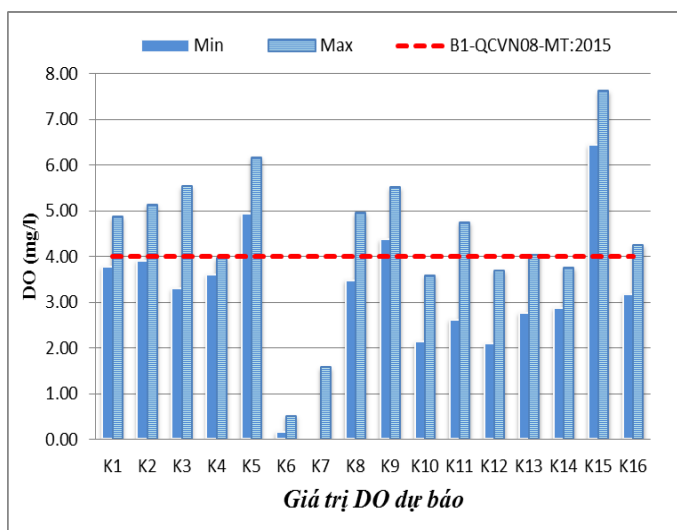
Hàm lượng DO dự báo trong hệ thống từ 19 - 25/4/2019 dao động từ 0,00- 7,61 mg/l. Cao nhất tại cầu Dũng Quyết (K15); thấp nhất tại công Đặng Xá (K7).

So sánh với tiêu chuẩn nước sử dụng cho SXNN theo QCVN 08-MT:2015 cột B₁:

- 3/16 điểm dự báo tại các vị trí K5, K9 và K15, có hàm lượng DO đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo.

- 6/16 điểm dự báo tại các vị trí K4, K6, K7, K10, K12 và K14, có hàm lượng DO không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo. Đặc biệt tại các vị trí K6 và K7 có DO quá thấp, có thể ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển của cây lúa; cá và các loài động vật thủy sinh không thể tồn tại trong môi trường này.

- 7/16 điểm dự báo còn lại tại vị trí K1, K2, K3, K8, K11, K13 và K16 có hàm lượng DO ở một số ngày thấp hơn so với tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN



Dự báo hàm lượng DO từ ngày 19 - 25/4/2019

Bảng 9: Kết quả dự báo hàm lượng DO tại các vị trí quan trắc từ 19 - 25/4/2019

TT	KH	Vị trí	19/4	20/4	21/4	22/4	23/4	24/4	25/4
1	K1	Cổng Long Tửu	4,72	4,85	3,96	4,70	3,76	4,57	4,54
2	K2	Cầu Đa Hội	4,62	5,09	4,01	3,90	4,16	5,12	4,96
3	K3	TB Trịnh Xá	3,50	4,34	3,29	4,22	4,22	5,14	5,52
4	K4	Cầu Đồng Phúc	3,80	3,90	3,59	3,83	3,95	3,91	3,90
5	K5	Cầu Nét	5,40	5,50	5,19	4,92	5,34	6,16	6,06
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	0,45	0,50	0,43	0,15	0,15	0,29	0,32
7	K7	Cổng Đặng Xá	0,25	0,35	0,23	0,05	0,00	1,56	0,20
8	K8	K. Bắc Trịnh Xá xã Văn Môn	3,68	3,78	3,47	4,32	4,15	4,95	4,71
9	K9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang	5,40	5,50	5,19	4,59	4,36	5,24	5,28
10	K10	Trạm bơm Đương Xá	3,24	3,34	3,03	2,12	2,53	3,51	3,58
11	K11	K. Nam Trịnh Xá xã Hiên Vân	2,82	2,92	2,61	3,37	3,59	4,74	3,92
12	K12	Trạm bơm Vũ Ninh	2,98	3,08	2,77	2,08	2,49	3,63	3,68
13	K13	K. Nam Trịnh Xá xã Việt Hùng	3,40	3,50	3,19	3,05	2,76	4,03	3,77
14	K14	K. Kim Đôi xã Nhân Hòa	3,49	3,59	3,28	3,22	2,87	3,74	3,40
15	K15	Cầu Dũng Quyết	6,64	6,74	6,43	6,45	6,47	7,61	7,50
16	K16	Cầu Lộc Hà	3,36	3,46	3,15	3,44	3,37	4,24	4,14
QCVN 08-MT:2015 cột B₁			≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4

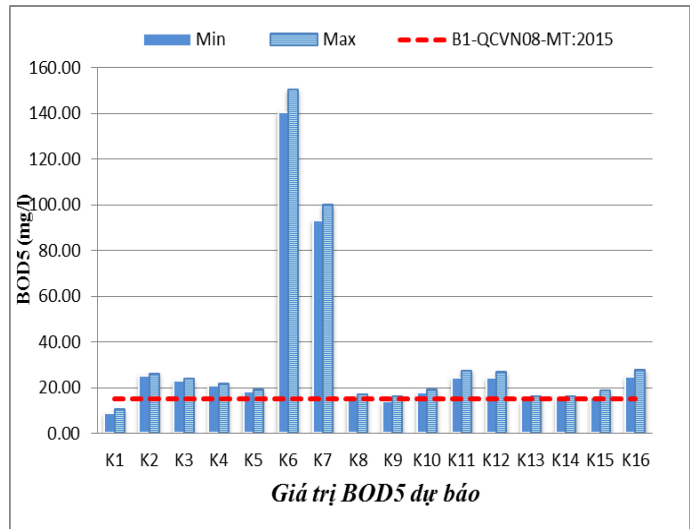
b) Dự báo chỉ tiêu BOD₅

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong hệ thống từ 19 - 25/4/2019 dao động từ 8,56 – 150,20 mg/l. Cao nhất tại cầu Khúc Xuyên (K6); thấp nhất tại cổng Long Tửu (K1).

So sánh với tiêu chuẩn nước sử dụng cho SXNN theo QCVN 08-MT:2015 cột B₁:

- 1/16 điểm dự báo tại các vị trí K1, có hàm lượng BOD₅ đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo.

- 12/16 điểm dự báo tại các vị trí K2, K3, K4, K5, K6, K7, K10, K11, K12, K14, K15 và K16, có hàm lượng BOD₅ không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo. Trong đó các vị trí tại K6 và K7 có hàm lượng BOD₅ cao nhất ở mức độ ô nhiễm từ nghiêm trọng đến đặc biệt nghiêm trọng; vượt TCCP: 6,64 lần tại K7 và 10,01 lần tại K6.



Dự báo hàm lượng BOD₅ từ ngày 19 - 25/4/2019

- 3/16 điểm dự báo tại các vị trí K8, K9 và K13, có hàm lượng BOD₅ không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở một số ngày trong đợt dự báo.

Bảng 10: Kết quả dự báo hàm lượng BOD₅ tại các vị trí quan trắc từ 19 - 25/4/2019

TT	KH	Vị trí	19/4	20/4	21/4	22/4	23/4	24/4	25/4
1	K1	Công Long Tửu	10,30	10,40	10,09	8,98	8,56	9,06	8,80
2	K2	Cầu Đa Hội	25,84	25,94	25,63	25,22	25,07	25,94	25,52
3	K3	TB Trịnh Xá	23,56	23,66	23,35	22,94	22,79	23,66	23,24
4	K4	Cầu Đồng Phúc	21,28	21,38	21,07	20,66	20,51	21,38	20,96
5	K5	Cầu Nét	19,00	19,10	18,79	18,38	18,23	19,10	18,68
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	140,50	140,60	140,29	142,14	144,86	147,35	150,20
7	K7	Công Đặng Xá	93,10	93,20	92,89	93,86	95,21	98,24	99,66
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	14,77	14,87	14,56	14,64	15,12	16,52	16,96
9	K9	K. Bắc TX xã Tam Giang	13,87	13,97	13,66	13,74	14,22	15,62	16,06
10	K10	Trạm bơm Dương Xá	18,37	18,47	18,16	18,24	17,72	19,12	18,66
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	26,79	26,89	26,58	24,72	24,20	27,28	25,72
12	K12	Trạm bơm Vũ Ninh	26,60	26,70	26,39	24,08	24,60	25,74	26,31
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	15,90	16,00	15,69	14,17	14,66	15,44	15,37
14	K14	K. Kim Đôi xã Nhân Hòa	15,60	15,70	15,39	15,16	15,38	15,80	15,90
15	K15	Cầu Dũng Quyết	18,20	18,30	17,99	15,28	15,38	15,26	15,25
16	K16	Cầu Lộc Hà	27,40	27,50	27,19	26,26	25,96	24,78	24,50
QCVN 08-MT:2015 cột B₁			15	15	15	15	15	15	15

c) Dự báo chỉ tiêu NH₄⁺

Hàm lượng NH₄⁺ dự báo trong hệ thống từ 19 - 25/4/2019 dao động từ 0,55 – 8,21 mg/l. Cao nhất tại kênh Nam Trịnh Xá xã Hiên Vân (K11); thấp nhất tại cầu Dũng

Quyết (K15).

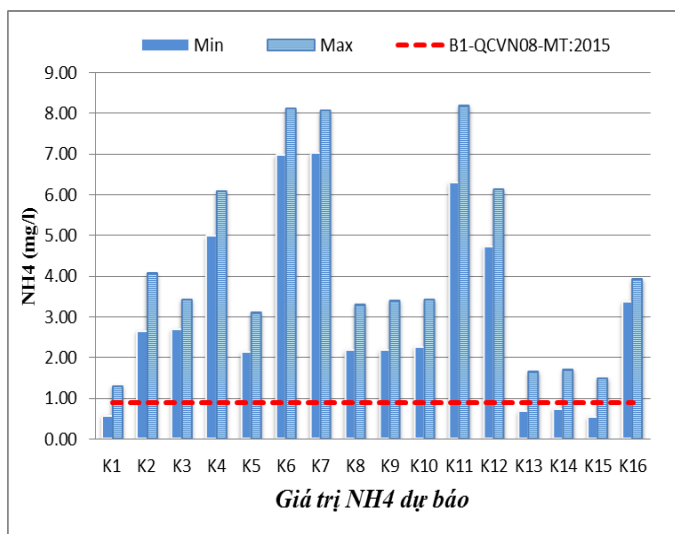
So sánh với tiêu chuẩn nước sử dụng cho SXNN theo QCVN 08-MT:2015 cột B₁:

- 4/16 điểm dự báo tại các vị trí tại K1, K13, K14 và K15 có hàm lượng NH₄⁺ đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở một số ngày trong đợt dự báo;

- 12/16 vị trí dự báo còn lại có hàm lượng NH₄⁺ không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo. Trong đó:

+ 7/16 điểm dự báo tại các vị trí K2, K3, K5, K8, K9, K10, và K16 có hàm lượng NH₄⁺ ô nhiễm ở mức độ nhẹ (vượt TCCP < 5 lần).

+ 5/16 điểm dự báo tại các vị trí K4, K6, K7, K11 và K12, có hàm lượng NH₄⁺ ô nhiễm ở mức độ nghiêm trọng và vượt TCCP từ 5,27 – 9,12 lần.



Dự báo hàm lượng NH₄⁺ từ ngày 19 - 25/4/2019

Bảng 11: Kết quả dự báo hàm lượng NH₄⁺ tại các vị trí quan trắc từ 19 - 25/4/2019

TT	KH	Vị trí	19/4	20/4	21/4	22/4	23/4	24/4	25/4
1	K1	Công Long Tửu	1,11	1,21	0,9	0,6	0,58	1,29	1,31
2	K2	Cầu Đa Hội	3,98	4,08	3,77	3,17	2,66	3,69	3,83
3	K3	TB Trịnh Xá	2,98	3,08	2,77	2,77	2,70	3,44	3,11
4	K4	Cầu Đồng Phúc	6,00	6,10	5,79	5,29	5,00	5,65	5,72
5	K5	Cầu Nét	3,01	3,11	2,80	2,14	2,59	3,09	2,50
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	8,02	8,12	7,81	7,07	6,99	7,96	7,91
7	K7	Công Đặng Xá	7,90	8,00	7,69	7,44	7,03	7,66	8,07
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	2,40	2,50	2,19	2,63	2,44	2,88	3,32
9	K9	K. Bắc TX xã Tam Giang	2,44	2,54	2,23	2,19	2,42	3,41	2,50
10	K10	Trạm bơm Đương Xá	2,86	2,96	2,65	2,36	2,27	3,44	3,07
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	8,11	8,21	7,90	6,40	6,32	7,18	8,08
12	K12	Trạm bơm Vũ Ninh	5,66	5,76	5,45	5,56	4,74	6,14	5,92
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	1,56	1,66	1,35	0,72	0,69	1,48	1,48
14	K14	K. Kim Đôi xã Nhân Hòa	1,61	1,71	1,40	0,75	0,75	1,62	1,65
15	K15	Cầu Dũng Quyết	1,00	1,10	0,79	0,55	0,66	1,50	1,38
16	K16	Cầu Lộc Hà	3,80	3,90	3,59	3,49	3,38	3,94	3,60
QCVN 08-MT:2015 cột B₁			0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9

III. CÁC KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

- Kết quả dự báo cho thấy:

+ 6/16 điểm dự báo tại các vị trí K4, K6, K7, K10, K12 và K14, có hàm lượng DO không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo. Đặc biệt tại các vị trí K6 và K7 có DO quá thấp, có thể ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển của cây lúa; cá và các loài động vật thủy sinh không thể tồn tại trong môi trường này.

+ 12/16 điểm dự báo tại các vị trí K2, K3, K4, K5, K6, K7, K10, K11, K12, K14, K15 và K16, có hàm lượng BOD₅ không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo. Trong đó các vị trí tại K6 và K7 có hàm lượng BOD₅ cao nhất ở mức độ ô nhiễm từ nghiêm trọng đến đặc biệt nghiêm trọng; vượt TCCP: 6,64 lần tại K7 và 10,01 lần tại K6.

+ 12/16 vị trí dự báo còn lại có hàm lượng NH₄⁺ không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo. Trong đó: 55/16 điểm dự báo tại các vị trí K4, K6, K7, K11 và K12, có hàm lượng NH₄⁺ ô nhiễm ở mức độ nghiêm trọng và vượt TCCP từ 5,27 – 9,12 lần.

- Đề nghị các đơn vị quản lý, khai thác CTTL Bắc Đuống cảnh báo cho địa phương về tình hình chất lượng trong hệ thống. Khoanh vùng ô nhiễm khu vực hạ lưu sông Ngũ Huyện Khê từ Phú Lâm đến cống Đặng Xá và không sử dụng nước khu vực này cấp cho SXNN. Các khu vực khác có thể lấy nước phục vụ tưới, nhưng cần giảm lượng đạm bón cho cây trồng và không lấy nước trực tiếp cấp cho nuôi trồng thủy sản.

- Điều kiện cho phép có thể vận hành các trạm bơm lấy và thay nước trong hệ thống để giảm thiểu ô nhiễm.

- Tăng cường công tác thanh kiểm tra các cơ sở xả thải tại khu vực phía cuối sông Ngũ Huyện Khê.